

Số: /GPMT-STNMT

Bình Dương, ngày tháng năm 2024

**GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**  
**SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 11/2022/QĐ-UBND ngày 18 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 975/QĐ-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản và cấp Giấy phép môi trường đối với các dự án thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường số 23/TL-DA ngày 08 tháng 01 năm 2024 của Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường tại Tờ trình số 41/TTr-CCBVMT ngày 12 tháng 01 năm 2024.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cấp phép cho Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP, địa chỉ trụ sở chính tại số 63 Yersin, phường Hiệp Thành, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Khu công nghiệp Bình Đường tại phường An Bình, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương với các nội dung như sau:

**1. Thông tin chung của cơ sở:**

1.1. Tên cơ sở: Khu công nghiệp Bình Đường

1.2. Địa điểm hoạt động: Phường An Bình, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 3700146458 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh

Bình Dương đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 7 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 22 tháng 12 năm 2023.

1.4. Quyết định 1556/QĐ-CT ngày 24 tháng 4 năm 2003 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Bình Đường của Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ (nay là Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP).

1.5. Quyết định số 689/QĐ-STNMT ngày 05 tháng 10 năm 2011 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường Khu công nghiệp Bình Đường tại phường An Bình, thị xã Dĩ An (nay là thành phố Dĩ An), tỉnh Bình Dương của Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ - TNHH MTV (nay là Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP).

1.6. Mã số thuế: 3700146458

1.7. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: các ngành nghề được phép thu hút đầu tư vào khu công nghiệp phân loại theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam:

TT	Tên ngành	Mã ngành kinh tế Việt Nam				Ghi chú
		Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	
1	Dệt	C	13	-	-	Không có nhuộm
2	Sản xuất trang phục (trừ sản xuất sản phẩm từ da lông thú)	C	14	-	-	
3	Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan	C	15	-	-	Không thuộc da
4	Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy	C	17	-	-	Không bao gồm sản xuất bột giấy
5	In ấn	C	18	181	-	
6	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	C	20	202	2023	
7	Sản xuất sản phẩm từ plastic	C	22	222	2220	
8	Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại chưa được phân vào đâu	C	23	239	-	Không sản xuất vật liệu xây dựng truyền thống

						<i>như nung gạch, đúc bê tông</i>
9	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại; các dịch vụ xử lý, gia công kim loại	C	25	259	-	<i>Không xi mạ</i>
10	Sản xuất linh kiện điện tử	C	26	261	2610	
11	Công nghiệp chế biến, chế tạo khác	C	32	-	-	<i>Không xi mạ</i>
12	Kho bãi và các hoạt động hỗ trợ cho vận tải	H	52	-	-	
13	Hoạt động kinh doanh bất động sản	L	68	-	-	

1.8. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Tổng diện tích khu công nghiệp là 165.001 m<sup>2</sup>.
- Khu công nghiệp có tiêu chí như dự án đầu tư nhóm A theo tiêu chí phân loại của pháp luật về đầu tư công.
- Khu công nghiệp có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:**

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường 2020.

2. Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP có trách nhiệm:

2.1. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải, bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.2. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.3. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.4. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

**Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 07 năm.**

(Từ ngày ..... tháng .... năm 2024 đến ngày ..... tháng ..... năm 2031).

**Điều 4.** Giao Chi cục Bảo vệ môi trường, Thanh tra Sở tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Khu công nghiệp Bình Đường tại phường An Bình, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương của Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- Tổng Cty TM XNK Thanh Lễ – CTCP;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- BQL các KCN Bình Dương;
- UBND thành phố Dĩ An;
- UBND phường An Bình;
- Cổng Thông tin điện tử của STNMT;
- Lưu: VT, CCBVMT, Tuyet6.

**GIÁM ĐỐC**

**Ngô Quang Sự**

**Phụ lục 1**

**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STNMT ngày tháng năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:**

**1. Nguồn phát sinh nước thải:**

- Nguồn số 01: Nước thải phát sinh từ các doanh nghiệp thứ cấp trong Khu công nghiệp với lưu lượng khoảng 897 m<sup>3</sup>/ngày.
- Nguồn số 02: Nước thải phát sinh từ khu vệ sinh của nhà điều hành công trình xử lý nước thải tập trung với lưu lượng khoảng 02 m<sup>3</sup>/ngày.
- Nguồn số 03: Nước thải phát sinh từ quá trình lắng bùn của công trình xử lý nước thải tập trung với lưu lượng khoảng 01 m<sup>3</sup>/ngày.

**2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải**

**2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:** Rạch Gò Dưa → Sông Sài Gòn (tại thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh).

**2.2. Vị trí xả nước thải:**

- Một điểm tại mương thoát nước tự nhiên thuộc phường An Bình, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.
- Tọa độ vị trí xả nước thải: X = 1201574, Y = 609408 (theo hệ tọa độ VN 2.000, kinh tuyến trực 105<sup>0</sup>45', múi chiếu 3<sup>0</sup>).
- Điểm xả nước thải sau xử lý có biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định tại điểm đ Khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

**2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 900 m<sup>3</sup>/ngày (24 giờ).**

**2.3.1. Phương thức xả nước thải:**

- Nước thải sau xử lý theo hệ thống đường ống nhựa PVC có đường kính 220 mm chiều dài khoảng 50 m đầu nối vào cống bằng bê tông cốt thép có đường kính 1.200 mm (do Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP xây dựng) để thoát nước mưa và nước thải của Khu công nghiệp dọc phía bên trái đường tổ 15, 17, khu phố Bình Đường 3 (chiều dài khoảng 320 mét), sau đó hệ thống cống bằng bê tông cốt thép có đường kính 1200 mm băng qua đường số 16 theo hướng Tây Nam (dọc theo địa giới Bình Dương và thành phố Hồ Chí Minh, chiều dài khoảng 170 mét, trước đây là mương thoát nước tự nhiên, sau đó được cải tạo thành đường cống ngầm khi cư dân địa phương cải tạo nhà ở) và đầu nối

vào mương thoát nước tự nhiên (*chiều dài 130 mét*) chảy băng qua đường sắt Bắc - Nam sau đó thoát ra rạch Gò Dưa và chảy ra sông Sài Gòn (*việc xây dựng tuyến cống và đấu nối vào mương thoát nước tự nhiên đã được Ủy ban nhân dân phường An Bình thống nhất xác nhận tại văn bản số 38/UBND-MT ngày 24 tháng 02 năm 2023*).

- Phương thức xả thải: tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: liên tục 24 giờ/ngày.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp ( $K_q = 0,9$ ;  $K_f = 1,0$ ), áp dụng cột B kể từ ngày giấy phép môi trường này có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025; áp dụng cột A kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
			Đến ngày 31/12/2025	Kể từ ngày 01/01/2026		
1	Lưu lượng	m <sup>3</sup> /ngày	900	900	03 tháng/lần	Thực hiện quan trắc tự động, liên tục
2	Nhiệt độ	°C	40	40		
3	Màu	Pt/Co	150	50		
4	pH	-	5,5 - 9	6 - 9		
5	COD	mg/l	135	67,5		
6	Chất rắn lơ lửng	mg/l	90	45		
7	Amoni	mg/l	9	4,5		
8	BOD <sub>5</sub> (20 °C)	mg/l	45	27		Không yêu cầu
9	Asen	mg/l	0,09	0,045		
10	Thủy ngân	mg/l	0,01	0,0045		
11	Chì	mg/l	0,45	0,09		
12	Cadimi	mg/l	0,09	0,045		
13	Crom (VI)	mg/l	0,09	0,045		
14	Crom (III)	mg/l	0,90	0,18		
15	Đồng	mg/l	1,80	1,8		
16	Kẽm	mg/l	2,70	2,7		
17	Niken	mg/l	0,45	0,18		
18	Mangan	mg/l	0,90	0,45		

19	Sắt	mg/l	4,50	0,9		
20	Tổng xianua	mg/l	0,09	0,063		
21	Tổng phenol	mg/l	0,45	0,09		
22	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	9,00	4,5		
23	Sunfua	mg/l	0,45	0,18		
24	Florua	mg/l	9,00	4,5		
25	Tổng nitơ	mg/l	36,00	18		
26	Tổng phốt pho	mg/l	5,40	3,6		
27	Clorua	mg/l	900,00	450		
28	Clo dư	mg/l	1,80	0,9		
29	Coliform	Vi khuẩn/100 ml	5.000	3.000		
30	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	mg/l	0,09	0,045		
31	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật phốt pho hữu cơ	mg/l	0,90	0,27		
32	Tổng PCB	mg/l	0,01	0,0027	01 lần/năm	
33	Tổng hoạt độ phóng xạ $\alpha$	Bq/l	0,09	0,09		
34	Tổng hoạt độ phóng xạ $\beta$	Bq/l	0,90	0,9		

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:**

**1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:**

### **1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:**

- Nguồn số 01: Nước thải phát sinh từ các doanh nghiệp thứ cấp trong Khu công nghiệp Bình Đường được thu gom bằng hệ thống đường ống nhựa PVC có đường kính 150, 200 và đường cống bằng bê tông cốt thép có đường kính 200, 600, 800 mm dẫn về công trình xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp.

- Nguồn số 02: Nước thải phát sinh từ khu vệ sinh của nhà điều hành được thu gom bằng đường ống nhựa PVC có đường kính 114 mm dẫn về công trình xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp.

- Nguồn số 03: Nước thải phát sinh từ quá trình lắng bùn tại công trình xử lý nước thải được thu gom bằng đường ống nhựa PVC có đường kính 114 mm dẫn về bể thu gom của công trình xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp.

### **1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:**

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

Nước thải → Tách rác thô → Bể thu gom → Tách rác tinh → Bể điều hòa → Bể keo tụ tạo bông → Bể lắng hoá lý → Bể xử lý sinh học hiếu khí (Aerotank) → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Mương quan trắc → Thải ra môi trường (Mương thoát nước tự nhiên chảy qua Rạch Gò Dưa và thoát ra Sông Sài Gòn).

- Công suất thiết kế: 1.200 m<sup>3</sup>/ngày.

- Hóa chất sử dụng: NaOH, mật ri đường, Javel, PAC, Polymer (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.3.3 phần A của Phụ lục này).

### **1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:**

- Số lượng: 01 trạm.

- Vị trí lắp đặt: Tại mương quan trắc, sau công trình xử lý nước thải tập trung công suất 1.200 m<sup>3</sup>/ngày, trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

- Thông số lắp đặt: Lưu lượng (đầu vào và đầu ra), nhiệt độ, pH, TSS, COD, Amoni, màu.

- Thiết bị lấy mẫu tự động: tủ lấy mẫu tự động.

- Camera theo dõi: 01 camera tại mương quan trắc, 01 camera trên cao để quan sát các hạng mục công trình xử lý nước thải, 01 camera giám sát thiết bị đo trong nhà trạm.

- Kết nối, truyền số liệu: Dữ liệu được truyền về Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi, giám sát; đã được Trung tâm Quan trắc - Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Bình Dương xác nhận kết nối dữ liệu hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục tại văn bản số 328/TTQT-TĐ ngày 25 tháng 03 năm 2016.



#### **1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:**

- Bố trí cán bộ được đào tạo, chuyển giao kỹ thuật vận hành công trình xử lý nước thải, ứng phó sự cố để vận hành, theo dõi, giám sát liên tục quá trình vận hành và có nhật ký vận hành công trình xử lý nước thải ghi nhận các thông tin về lưu lượng nước thải, lượng điện tiêu thụ, hóa chất sử dụng, lượng bùn thải để kịp thời nhận biết các sự cố quá tải về lưu lượng.

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình; thường xuyên kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng các máy móc thiết bị trong công trình xử lý nước thải theo đúng hướng dẫn vận hành của nhà cung cấp nhằm đảm bảo các thiết bị, máy móc hoạt động ổn định.

- Có công tơ điện độc lập; các máy móc, thiết bị quan trọng được trang bị 01 bộ dự phòng cho hệ thống xử lý như máy bơm, máy thổi khí, ... để không làm gián đoạn quá trình xử lý khi một thiết bị hư hỏng.

- Thường xuyên kiểm tra đường ống, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn. Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của công trình xử lý nước thải để có biện pháp kịp thời ứng phó sự cố đối với công trình xử lý nước thải.

- Thiết lập giá trị cảnh báo sớm cho hệ thống quan trắc tự động, liên tục đối với các thông số ô nhiễm trong nước thải, thực hiện kiểm định, hiệu chuẩn thiết bị đo theo quy định.

- Đối với sự cố hỏng về điện hoặc do thiết bị, máy móc của công trình xử lý bị hư: Vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong công trình xử lý thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật nhà cung cấp; lập hồ sơ giám sát kỹ thuật các hạng mục công trình đơn vị để theo dõi sự ổn định của công trình xử lý, đồng thời tạo cơ sở để phát hiện sự cố một cách sớm nhất, nhằm sửa chữa kịp thời trong trường hợp xảy ra sự cố, tránh ảnh hưởng đến việc vận hành của công trình xử lý. Trang bị các thiết bị dự phòng cho công trình xử lý như máy bơm, bơm định lượng.

- Đối với sự cố do thao tác vận hành xử lý không đúng cách: Điều chỉnh lượng khí, nhu cầu dinh dưỡng, hóa chất do thao tác vận hành xử lý không đúng cách hoặc quá tải trong việc tiếp nhận nước thải; đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình đã được hướng dẫn; lấy mẫu và phân tích chất lượng mẫu nước thải sau xử lý nhằm đánh giá hiệu quả hoạt động của công trình xử lý.

- Báo ngay cho cơ quan nhà nước có chức năng các sự cố để được hỗ trợ và có biện pháp khắc phục kịp thời trong trường hợp quá khả năng ứng phó của đơn vị.

- Quy trình ứng phó sự cố: Trường hợp nước thải sau xử lý vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả thải hoặc công trình xử lý nước thải tập trung gặp sự cố và phải dừng hoạt động, thông báo các doanh nghiệp thứ cấp trong Khu công nghiệp tạm thời ngưng xả thải từ 01 đến 02 ngày theo như biên bản thỏa thuận hợp tác bảo vệ môi trường đã ký kết giữa hai bên, để khắc phục sự cố của công trình xử lý nước thải tập trung; bơm tuần hoàn nước thải về lại hồ thu (*thể tích 82,5m<sup>3</sup>*), bể điều hòa

(thể tích  $528m^3$ ) để quay vòng xử lý cho đến khi xử lý nước thải đạt quy chuẩn cho phép. Sau khi khắc phục xong sự cố, nước thải được tiếp tục xử lý, đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường trước khi xả ra nguồn tiếp nhận, cam kết không xả nước thải chưa được xử lý đạt quy chuẩn quy định ra môi trường. Đồng thời, Công ty tiến hành hợp đồng thu gom nước thải khi sự cố xảy ra với đơn vị có chức năng thu gom xử lý theo quy định.

- Định kỳ hàng năm tiến hành duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Thực hiện kiểm tra, giám sát hệ thống thu gom nước thải, thoát nước thải sau xử lý để phòng ngừa tình trạng tắc nghẽn hệ thống.

- Kiểm soát chất lượng, lưu lượng nước thải đầu vào từ các doanh nghiệp thứ cấp: thường xuyên kiểm tra việc xả thải các doanh nghiệp thông qua các hố ga đầu nổi nước thải; lập danh sách các doanh nghiệp có nguy cơ gây ô nhiễm, định kỳ lấy mẫu kiểm tra nước thải các doanh nghiệp.

#### **1.5. Tiêu chuẩn nước thải đầu vào của công trình xử lý nước thải tập trung:**

<b>TT</b>	<b>Thông số</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Giá trị giới hạn tiếp nhận</b>
1	Nhiệt độ	$^{\circ}\text{C}$	40
2	Màu	Pt/Co	270
3	pH	-	5,5 - 9
4	COD	mg/l	600
5	BOD <sub>5</sub> (20 $^{\circ}\text{C}$ )	mg/l	300
6	Chất rắn lơ lửng	mg/l	300
7	Amoni (tính theo N)	mg/l	30
8	Tổng Nitơ	mg/l	60
9	Tổng photpho (tính theo P)	mg/l	25
10	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	30
11	Coliform	Vi khuẩn/100ml	30.000
12	Asen	mg/l	0,1
13	Thủy Ngân	mg/l	0,01
14	Chì	mg/l	0,5
15	Cadimi	mg/l	0,1
16	Crom (VI)	mg/l	0,1

17	Crom (III)	mg/l	1,0
18	Đồng	mg/l	2,0
19	Kẽm	mg/l	3,0
20	Niken	mg/l	0,5
21	Mangan	mg/l	1,0
22	Sắt	mg/l	5,0
23	Tổng xianua	mg/l	0,1
24	Tổng phenol	mg/l	0,5
25	Sunfua	mg/l	0,5
26	Florua	mg/l	10
27	Chlorua	mg/l	1.000
28	Clo dư	mg/l	2,0
29	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	mg/l	0,1
30	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật photpho hữu cơ	mg/l	1,0
31	Tổng PCB	mg/l	0,01
32	Tổng hoạt độ phóng xạ $\alpha$	Bq/l	0,1
33	Tổng hoạt độ phóng xạ $\beta$	Bq/l	1,0

## 2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

**2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:** Thời gian vận hành thử nghiệm là 03 tháng (Bắt đầu sau 10 ngày kể từ ngày Giấy phép môi trường có hiệu lực).

### 2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải phải vận hành thử nghiệm:

01 công trình xử lý nước thải có công suất thiết kế 1.200 m<sup>3</sup>/ngày.

#### 2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Nước thải đầu vào: Tại bể điều hòa của công trình xử lý nước thải.

- Nước thải đầu ra: Tại mương quan trắc nước thải sau xử lý của công trình xử lý nước thải.

#### 2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Chủ cơ sở phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng nước thải và đánh giá hiệu quả xử lý của công trình xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường theo quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này.

**2.3. Tần suất lấy mẫu:** (Trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý nước thải)

- Thời gian đánh giá: 03 ngày liên tiếp sau giai đoạn điều chỉnh (giai đoạn điều chỉnh do Công ty tự xem xét trong quá trình vận hành thử nghiệm của công trình xử lý nước thải).

- Tần suất quan trắc: 01 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn đối với 01 mẫu nước thải đầu vào và 03 mẫu đơn nước thải đầu ra trong 03 ngày liên tiếp của công trình xử lý nước thải) trong ít nhất 03 ngày liên tiếp.

### **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

3.1. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa; hệ thống thu gom và thoát nước thải; hệ thống xử lý nước thải tập trung phải đáp ứng các yêu cầu quy định tại Khoản 2, 3, 4 Điều 48 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ; đồng thời nước thải phát sinh từ hoạt động của Khu công nghiệp phải bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này.

3.2. Đầu nối và vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa, đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động của Khu công nghiệp Bình Đường.

3.3. Bảo đảm bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải. Việc vận hành công trình xử lý nước thải tập trung phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh. Nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ tối thiểu 02 năm. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.4. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc nước thải, phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

3.5. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được truyền dẫn thường xuyên, ổn định dữ liệu, số liệu quan trắc về Sở Tài nguyên và Môi trường. Thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được thử nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. Việc kết nối, truyền số liệu quan trắc nước thải tự động, liên tục được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và quy định tại Thông tư số

10/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được kiểm soát chất lượng định kỳ 01 lần/năm theo quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT. Trường hợp hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục đã đáp ứng các yêu cầu theo quy định, Công ty được miễn trách nhiệm quan trắc định kỳ nước thải đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2024; sau thời gian này, chỉ được miễn thực hiện quan trắc nước thải định kỳ đối với các thông số đã được quan trắc tự động, liên tục.

3.6. Xây dựng kế hoạch nâng cấp, cải tạo công trình xử lý nước thải của Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP, đảm bảo sau ngày 31 tháng 12 năm 2025 đạt quy chuẩn trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận và phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường tương ứng đối với vùng bảo vệ môi trường và QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (*cột A*,  $K_q = 0,9$  và  $K_f = 1,0$ ).

3.7. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục, không được phép xả nước thải chưa được xử lý đạt quy chuẩn quy định ra môi trường.

Phụ lục 2

**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG  
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STNMT ngày tháng năm 2024  
của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:**

**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Khu vực hệ thống xử lý nước thải tập trung;
- Nguồn số 02: Khu vực máy phát điện dự phòng.

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Tọa độ: X = 1202035, Y = 609483;
- Nguồn số 02: Tọa độ: X = 1202044, Y = 609516.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°45', múi chiều 3°).

**3. Tiếng ồn, độ rung:**

Phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

**3.1. Tiếng ồn:**

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

**3.2. Độ rung:**

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:**

**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn; trồng

cây xanh trong khuôn viên cơ sở để hạn chế tiếng ồn.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: Đối với máy thổi khí, máy bơm đặt trong nhà điều hành hệ thống xử lý nước thải lắp đặt gối lên các đệm cao su, không tiếp xúc trực tiếp với chân đế bằng bê tông, từ đó giảm thiểu độ rung khi hoạt động. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay thế dầu bôi trơn.

## **2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu, bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Thường xuyên bảo dưỡng, hiệu chuẩn các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

**Phụ lục 3**  
**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,**  
**PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**  
(Kèm theo Giấy phép môi trường số        /GPMT-STNMT ngày    tháng    năm 2024  
của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**

**1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

**1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:**

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Ký hiệu phân loại	Trạng thái tồn tại	Số lượng phát sinh (kg/năm)
1	Hộp mực in thải	08 02 04	NH	Rắn	02
2	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	NH	Lỏng	160
3	Pin, ắc quy thải	19 06 05	NH	Rắn	20
4	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	NH	Rắn	06
5	Thiết bị thải có các bộ phận, linh kiện điện tử (trừ bản mạch điện tử không chứa các chi tiết có các thành phần nguy hại)	19 02 05	NH	Rắn	05
6	Bùn thải từ hệ thống xử lý	12 06 05	KS	Bùn	1.200
7	Bao bì mềm thải	18 01 01	KS	Rắn	10
8	Bao bì nhựa cứng thải	18 01 03	KS	Rắn	07
9	Giẻ lau dính dầu nhớt thải	18 02 01	KS	Rắn	10
Tổng cộng					1.420



**1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:**

TT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Rác thải đường phố, cây xanh	1.800
	<b>Tổng</b>	<b>1.800</b>

**1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:**

TT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ văn phòng	1.100
	<b>Tổng</b>	<b>1.100</b>

**2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:****2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:**

2.1.1. Thiết bị lưu chứa chất thải: Ngăn 08 ô chứa bằng bê tông để chứa các loại chất thải nguy hại tại kho chứa chất thải nguy hại, có dán nhãn, mã chất thải nguy hại.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích kho lưu chứa chất thải: 6 m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Tường gạch bao xung quanh; nền bê tông chống thấm, đảm bảo kín khít, không bị thấm thấu; có nền cao hơn mặt bằng xung quanh, đảm bảo ngăn nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; đảm bảo không chảy tràn chất thải lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn; có mái tôn che kín nắng, mưa; biển cảnh báo; trang bị đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô)... theo quy định.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

**2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:**

- Thiết bị lưu chứa chất thải: Trang bị 04 thùng nhựa chuyên dụng có nắp đậy, dung tích loại 120 lít đặt tại Trạm xử lý nước thải và các góc đường nội bộ trong Khu công nghiệp.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

### **2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:**

- Thiết bị lưu chứa chất thải: Trang bị 04 thùng nhựa chuyên dụng có nắp đậy, dung tích loại 120 lít, 500 lít đặt tại văn phòng, trạm xử lý nước thải.
- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:**

1. Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với các sự cố khác theo quy định của pháp luật.
2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.
3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường của cơ sở theo quy định tại Khoản 4 Điều 124 của Luật Bảo vệ môi trường và có trách nhiệm công khai kế hoạch ứng phó sự cố môi trường của cơ sở; gửi kế hoạch ứng phó sự cố môi trường tới Ủy ban nhân dân phường An Bình, Ban chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn thành phố Dĩ An và cung cấp nội dung kế hoạch cho Ban quản lý các Khu công nghiệp Bình Dương theo quy định tại Khoản 3 Điều 110 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; đồng thời, có trách nhiệm thông báo cho Ủy ban nhân dân phường An Bình về nguy cơ sự cố môi trường và biện pháp ứng phó sự cố môi trường để thông tin cho tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư xung quanh theo quy định tại Khoản 2 Điều 129 của Luật Bảo vệ môi trường.
4. Có trách nhiệm tổ chức ứng phó sự cố môi trường trong phạm vi cơ sở; trường hợp vượt quá khả năng ứng phó, phải kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân phường An Bình nơi xảy ra sự cố và Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn thành phố Dĩ An để phối hợp ứng phó theo quy định tại điểm a Khoản 4 Điều 125 của Luật Bảo vệ môi trường.

#### Phụ lục 4

### CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STNMT ngày tháng năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

#### A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG.

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường

#### B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC.

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học phải thực hiện.

#### C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG (HOẶC VĂN BẢN TƯƠNG ĐƯƠNG VỚI QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG)

1. Đã hoàn thành hạ tầng kỹ thuật với diện tích 165.001 m<sup>2</sup> theo Quyết định phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường số 689/QĐ-STNMT ngày 05 tháng 10 năm 2011 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

2. Các nội dung tiếp tục thực hiện trong giai đoạn tiếp theo:

- Nâng cấp, cải tạo lại công trình xử lý nước thải hiện hữu đáp ứng yêu cầu quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. Cụ thể như sau:

+ Tóm tắt quy trình công nghệ (không thay đổi so với công nghệ hiện hữu): Nước thải → Tách rác thô → Bể thu gom → Tách rác tinh → Bể điều hòa → Bể keo tụ tạo bông → Bể lắng hoá lý → Bể xử lý sinh học hiếu khí (Aerotank) → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Mương quan trắc → Thải ra môi trường (Mương thoát nước tự nhiên chảy qua Rạch Gò Dưa và thoát ra Sông Sài Gòn).

+ Công suất thiết kế: 1.200 m<sup>3</sup>/ngày.

+ Hóa chất sử dụng: NaOH, mật rỉ đường, Javel, PAC, Polymer (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.3.3 phần A của Phụ lục này).

+ Yêu cầu về bảo vệ môi trường: chất lượng nước thải sau ngày 31 tháng 12 năm 2025 trước khi xả vào nguồn tiếp nhận (Mương thoát nước tự nhiên chảy qua Rạch Gò Dưa và thoát ra Sông Sài Gòn) đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường tương ứng đối với vùng bảo vệ môi trường và QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột A,  $K_q = 0,9$  và  $K_f = 1,0$ ) và theo Quyết định số 22/2023/QĐ-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ban hành Quy định bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

- Cải tạo, xây dựng nâng diện tích kho chứa chất thải nguy hại từ 6 m<sup>2</sup> lên 10 m<sup>2</sup>.

- Bảo đảm tỷ lệ cây xanh theo quy định của pháp luật về xây dựng trên tổng diện tích 165.001 m<sup>2</sup> của cơ sở.

- Thực hiện công tác bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng theo quy định của pháp luật.

3. Sau khi hoàn thành nội dung nêu trên, Tổng Công ty có trách nhiệm báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường để được xem xét theo quy định pháp luật.

#### **D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:**

1. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.

2. Tuân thủ Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT và Quyết định số 22/2023/QĐ-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ban hành Quy định bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

3. Khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng công suất 250KVA sử dụng nhiên liệu DO, chỉ sử dụng gián đoạn trong các trường hợp mất điện, không yêu cầu phải có hệ thống xử lý khí thải, nhưng nhiên liệu dầu DO sử dụng phải đáp ứng yêu cầu về chất lượng theo quy định pháp luật về chất lượng sản phẩm, khoáng hóa.

4. Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an toàn hóa chất, phòng chống cháy nổ, đối với cán bộ, công nhân viên làm việc của cơ sở.

5. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Tăng cường hiệu quả trong việc khai thác, sử dụng tài nguyên nước nhằm tiết kiệm tài nguyên và giảm thiểu các tác động xấu đến môi trường.

6. Luôn thực hiện các biện pháp khống chế ô nhiễm và bảo vệ môi trường theo đúng quy định, đảm bảo toàn bộ chất thải phát sinh được thu gom và xử lý các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

7. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

8. Bố trí nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường được đào tạo chuyên ngành môi trường hoặc lĩnh vực chuyên môn phù hợp theo quy định tại điểm e khoản 4 Điều 51 Luật Bảo vệ môi trường.

9. Ban hành quy chế về bảo vệ môi trường của khu công nghiệp phù hợp yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật theo quy định tại điểm k

khoản 4 Điều 51 Luật Bảo vệ môi trường. Trong đó, quy định cụ thể tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của các doanh nghiệp thứ cấp phù hợp theo từng loại hình ngành nghề sản xuất.

10. Diện tích cây xanh phải bảo đảm tỷ lệ theo quy định của pháp luật về xây dựng.

11. Thực hiện trách nhiệm của chủ nguồn thải chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo đúng quy định của pháp luật; hợp đồng đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường theo quy định.

12. Việc thu hút, sắp xếp, bố trí các dự án đầu tư, cơ sở thứ cấp theo ngành nghề thu hút đầu tư trong khu công nghiệp phải bảo đảm thực hiện theo đúng quy hoạch phân khu chức năng của khu công nghiệp được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

13. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật; thực hiện trách nhiệm mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

14. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.